

Số: 01/2024/QĐCNHGT-KDTM

TP. Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 357, 430; 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Đơn đề nghị Tòa án công nhận ngay kết quả hòa giải thành của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Công ty X là ông Đinh Huy H và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Công ty cổ phần kỹ thuật T là ông Nguyễn Thăng L.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Công ty X.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Công ty X, địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân H, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Huy H, chức vụ: Kế toán trưởng Công ty X, nơi cư trú: Tổ 18A, khu 2A, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

+ Người bị kiện: Công ty Cổ phần kỹ thuật T, địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn B, chức vụ: giám đốc Công ty; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thăng L, chức vụ: Phó giám đốc, nơi cư trú: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 01 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 01 năm 2024, cụ thể như sau:

1.1. Công ty Cổ phần kỹ thuật T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng mua bán xăng dầu số 449/HĐ2022-HĐBL mà

Công ty X và Công ty Cổ phần kỹ thuật T đã ký kết ngày 15/10/2022 với tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 19/11/2023 là: 129.285.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 108.983.000 đồng (Một trăm linh tám triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Nợ lãi (tính đến hết ngày 19/11/2023): 20.302.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm linh hai nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày 20/11/2023.

1.2. Kể từ ngày Công ty X có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu Công ty cổ phần kỹ thuật T chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ, TA, KT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hà Thị Thu Hương